

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I		Những đặc điểm thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945	2,0
	1.	Đặc điểm nội dung (1,0 điểm)	
		<ul style="list-style-type: none"> - Thơ Xuân Diệu thể hiện tình yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha, mãnh liệt (say cảnh, say tình, thiết tha giao cảm với đời). - Thơ Xuân Diệu cũng thể hiện tâm trạng chán nản, hoài nghi; nhân vật trữ tình trong thơ thường cô đơn. 	1,0
	2.	Đặc điểm nghệ thuật (1,0 điểm)	
		<p>Đặc sắc của thơ Xuân Diệu là ở cảm hứng, thi tứ, bút pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc trong thơ Xuân Diệu say đắm, mãnh liệt. Ông cảm nhận thế giới chung quanh bằng tất cả giác quan và bằng cái nhìn mới mẻ, tươi non. - Thơ Xuân Diệu là sự kết hợp hai yếu tố cổ điển và hiện đại, Đông và Tây; nhưng ảnh hưởng của thơ phương Tây vẫn đậm nét hơn (từ cảm hứng đề tài, đến xây dựng hình ảnh, cú pháp, nhịp điệu, ngôn từ). 	1,0
II		Phân tích nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn <i>Vi hành</i> của Nguyễn Ái Quốc	5,0
	1.	Giới thiệu chung (0,5 điểm)	
		<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1922 Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Mác-xây. Chuyến đi này đã bị các nhà cách mạng yêu nước lên án mạnh mẽ. Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang ở Pháp đã góp tiếng nói phê phán vua bù nhìn Khải Định và chính phủ Pháp bằng truyện <i>Vi hành</i> in trên báo Nhân đạo (1923). - Tác giả đã sử dụng nghệ thuật trào phúng để đạt mục đích trên. 	0,5
	2.	Nghệ thuật trào phúng của truyện (4 điểm)	
	a.	Cách đặt nhan đề	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Incognito</i> nguyên văn tiếng Pháp có nghĩa là không ai biết, dùng tên giả. Dịch giả Phạm Huy Thông chuyển nghĩa <i>Incognito</i> sang tiếng Việt là “Vi hành”. Trong trường hợp này tác giả dùng theo ý mỉa mai vị vua An Nam tưởng là được nước Pháp quý trọng nhưng sự thật thì không ai biết đến. - Nhan đề tác phẩm đã chứa đựng một sự mỉa mai, giễu cợt. 	
	b.	Tạo tình huống nhằm lẫn độc đáo	1,5
		<ul style="list-style-type: none"> - Tình huống nhằm lẫn: Trên tàu điện ngầm một đôi trai gái người Pháp nhằm tưởng nhân vật tôi - người kể chuyện là vua An Nam đang “vi hành” ở Pari. Tình huống này vừa oái oăm, vừa hài hước; vừa vô lí, vừa hợp lí nhằm lên án bản chất của vị vua An Nam. - Tình huống nhằm lẫn được tăng tiến dần (từ đôi nam nữ trên tàu điện, đến quần chúng, thậm chí đến Chính phủ Pháp) có tác dụng vừa lên án vị vua An Nam, vừa giễu cợt một cách kín đáo việc Chính phủ Pháp phái mật thám theo dõi những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp. - Tình huống nhằm lẫn nói trên làm cho việc lên án có tính khách quan (vì tất cả những lời chê bai, bình phẩm về vua An Nam đều xuất phát từ miệng người Pháp) và do đó có sức thuyết phục cao. 	
	c.	Cách dựng chân dung nhân vật biếm họa	1.0
		<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả gián tiếp: nhân vật chính không xuất hiện trực tiếp, nhưng qua những lời nhận xét, bình phẩm của đôi nam nữ người Pháp, bản chất và tính cách vị vua An Nam vẫn được hiện lên vừa rõ nét, vừa hài hước. - Nhờ việc lựa chọn và sắp xếp các chi tiết đặc sắc để miêu tả (ngoại hình xấu xí, trang phục loè loẹt, điệu bộ lúng túng đến thảm hại, hành vi mờ ám...), nhân vật vua An Nam hiện lên như một bức chân dung biếm họa đặc sắc. 	

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
		<p>d. Lời văn châm biếm sắc sảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng văn: có đủ mọi chất giọng (tự sự, trữ tình, triết lí...), nhưng mỉa mai là giọng chính. Tác giả không dùng những lời lẽ đao to búa lớn, chỉ nhẹ nhàng mà thấm thía, sâu cay. - Nhờ sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật (chơi chữ, nói ngược, so sánh tạt ngang, câu hỏi tu từ...) lời văn châm biếm trở nên sắc sảo hơn, và sức công phá, đả kích cao hơn. 	1.0
	3.	Kết luận (0,5 điểm)	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng cười của truyện bật lên từ sự phát hiện những mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, giữa hiện tượng và bản chất làm cho chân dung nhân vật vua An Nam được khắc hoạ rõ nét, nhờ đó tính chất châm biếm, đả kích của tác phẩm sáng rõ hơn. - Nghệ thuật trào phúng của truyện vừa có chất thâm thúy, sâu sắc của phương Đông vừa mang đậm chất trí tuệ và hiện đại của văn xuôi phương Tây. 	0,5
III.a		Bình giảng đoạn thơ trong bài <i>Tổng biệt hành</i> của Thâm Tâm	3,0
	1.	Giới thiệu chung (0,5 điểm)	
		<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tổng biệt hành</i> của Thâm Tâm là một trong những bài thơ nổi tiếng của Thơ mới. - Bài thơ vừa thể hiện tâm trạng chung của một lớp người đang tìm đường, vừa thể hiện được dấu ấn riêng của tác giả bởi hơi thơ trầm hùng, bi tráng, đặc biệt trong đoạn thơ đầu. 	0,5
	2.	Bình giảng đoạn thơ (2,0 điểm)	
	a.	<p>Bốn câu thơ đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân mạnh không gian và thời gian của cuộc tiễn đưa. Đó là nơi không có bến sông (khác với thơ ca xưa thường diễn ra nơi bến sông, con đò). Thời gian cũng không có gì đặc biệt (không thắm, không vàng vọt). Tác giả phủ nhận ngoại cảnh (điệp từ <i>không</i>) nhằm tô đậm nội tâm của kẻ ở, người đi. - Bốn câu thơ đầu là hai câu hỏi tu từ với hai vế đối lập giữa cái <i>không</i> của ngoại cảnh và cái <i>có</i> của nội tâm để khẳng định tâm trạng day dứt, xốn xang (tiếng sóng trong lòng) của người đưa tiễn và tâm trạng buồn thương, quẩn luyến (bóng hoàng hôn trong mắt) của người ra đi. - Âm điệu vừa thiết tha, vừa khắc khoải (điệp từ <i>sao</i>, toàn thanh bằng ở câu 1 và nhiều thanh trắc ở câu 2) tạo không khí trầm buồn, xao xuyến của buổi chia tay. 	1.0
	b.	<p>Sáu câu thơ tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu thơ 5,6: Tác giả thể hiện rõ hơn sắc thái tâm trạng và thái độ của người ra đi cũng như người ở lại. Nếu như người đưa tiễn khẳng định “<i>ta chỉ đưa người ấy</i>”, thì với người ra đi “<i>Một già gia đình, một dừng dừng</i>”. - Cách dùng từ Hán-Việt và hình thức độc thoại (câu 7) tạo sắc thái trang trọng, vừa gọi tư thế dứt khoát của người đi, vừa thể hiện tâm trạng nén lòng của người ở lại - mãi dõi theo bóng người đi xa như không hề muốn có cuộc chia li. <i>Chí nhón</i> nhưng <i>con đường nhỏ</i> và <i>bàn tay không</i> làm nổi rõ những trăn trở, và dự cảm về những khó khăn mà người ra đi phải đối mặt. - Những từ ngữ xưng hô (<i>ta, người</i>), từ phủ định (<i>chưa, không, dừng</i>) với âm điệu mạnh mẽ đã làm cho câu thơ trở nên rắn rỏi, thể hiện quyết tâm của người ra đi vì chí lớn “<i>một đi không trở lại</i>”. Từ <i>dừng dừng</i> và dấu chấm lửng cuối câu thơ thứ 6 thể hiện sự kìm nén tình cảm và thái độ dứt khoát của người đi. - Hình ảnh mẹ già ở câu thơ thứ 10 làm cho giọng thơ chùng xuống, dù có mềm lòng, có níu kéo riêng tư, vẫn không ngăn được quyết tâm của <i>li khách</i>. 	1.0

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	3.	Kết luận (0,5 điểm)	
		- Đoạn thơ ca ngợi vẻ đẹp của <i>li khách</i> trong thời đại mới và thể hiện sự ngưỡng vọng đối với những người ra đi vì nghĩa lớn, cũng là cách thể hiện tấm lòng yêu nước thầm kín của nhà thơ - Đoạn thơ vừa cổ kính vừa hiện đại, đậm chất bi tráng và “đượm chút băng khuâng khó hiểu của thời đại” (Hoài Thanh).	0,5
III.b		Cảm nhận về vẻ đẹp của dòng sông Hương trong bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> của Hoàng Phủ Ngọc Tường	3,0
	1.	Gới thiệu chung (0,5 điểm)	
		<i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> là một tùy bút đặc sắc, thể hiện phong cách tài hoa, uyên bác, giàu chất thơ của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bài kí đã ca ngợi dòng sông Hương như một biểu tượng của Huế (đặc biệt là đoạn từ thượng nguồn đến thành phố Huế).	0,5
	2.	Cảm nhận về vẻ đẹp của dòng sông (2,0 điểm)	
		a Vẻ đẹp dòng sông: - Trong đoạn trích nói trên, vẻ đẹp của dòng sông được phát hiện ở cảnh sắc thiên nhiên rất đa dạng. Dòng sông trữ tình, êm ả, hiền hòa như một thiếu nữ dịu dàng và duyên dáng: + Lúc ở rừng già: phóng khoáng và man dại, rậm rộ và mãnh liệt như một “bản trường ca của rừng già”. + Khi ra khỏi rừng: dịu dàng và trí tuệ của “người mẹ phù sa”. + Lúc qua hai dãy đồi sừng sững như thành quách: dòng sông mềm như tấm lụa, với vẻ đẹp biến ảo “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”. + Khi qua vùng ngoại ô Kim Long: vui tươi hân lên. + Khi đến thành phố: Sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ làm cho dòng sông mềm hẳn đi và trôi đi chậm, thực chậm như một mặt hồ yên tĩnh. - Vẻ đẹp dòng sông được miêu tả bằng một tình cảm thiết tha với Huế, với một vốn văn hoá phong phú và một vốn ngôn từ giàu có và đậm chất thơ của tác giả.	1,5
		b. Cảm nghĩ của cá nhân: Trình bày những suy nghĩ, tình cảm của riêng cá nhân về vẻ đẹp của dòng sông (yêu cầu chân thành, sâu sắc với lời văn giàu cảm xúc). Thí sinh có thể nêu ý sau: Dòng sông như là một công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hoá, một vẻ đẹp rất thơ, khơi nguồn cho cảm hứng thơ ca, và gắn liền với nền âm nhạc cổ điển của Huế, tạo nên bề dày lịch sử văn hoá của Huế.	0,5
	3.	Kết luận (0,5 điểm)	
		- Nhờ ngòi bút tài hoa của tác giả, sông Hương trở thành dòng sông bất tử, chảy mãi trong trí nhớ và tình cảm của người đọc. - Bồi đắp tình cảm đối với quê hương, đất nước.	0,5
		Lưu ý câu III.a và III.b: Thí sinh có thể sắp xếp bài làm theo cách khác, nhưng phải đảm bảo kiến thức và thể hiện được năng lực cảm thụ, bình giảng, phân tích tác phẩm văn chương.	

- Hết -